



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



✓

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	ngày 11 tháng 3 năm 2002
	0103018927	ngày 8 tháng 8 năm 2007
	0101217009	ngày 25 tháng 5 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	0101217009	ngày 4 tháng 11 năm 2010
--------------------------------	------------	--------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, và lần sửa đổi, bổ sung gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101217009 ngày ngày 20 tháng 10 năm 2015. Các Giấy Chứng nhận Đăng ký trên và các bản sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Hoạt động Chi nhánh

0101217009-001	ngày 8 tháng 5 năm 2014
0101217009-002	ngày 21 tháng 8 năm 2014
0101217009-007	ngày 3 tháng 10 năm 2014
0101217009-008	ngày 21 tháng 10 năm 2014
0101217009-009	ngày 13 tháng 11 năm 2014
0101217009-010	ngày 24 tháng 11 năm 2014
0101217009-011	ngày 8 tháng 12 năm 2014
0101217009-012	ngày 5 tháng 3 năm 2015
0101217009-013	ngày 13 tháng 8 năm 2015
0101217009-014	ngày 29 tháng 9 năm 2015
0101217009-015	ngày 26 tháng 10 năm 2015
0101217009-016	ngày 5 tháng 11 năm 2015
0101217009-017	ngày 16 tháng 11 năm 2015
0101217009-018	ngày 1 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Địa điểm Kinh doanh

Mã số địa điểm kinh doanh 00010	ngày 15 tháng 7 năm 2015
Mã số địa điểm kinh doanh 00011	ngày 25 tháng 9 năm 2015
Mã số địa điểm kinh doanh 00012	ngày 2 tháng 10 năm 2015

Các Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Địa điểm Kinh doanh trên được cấp bởi các Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh và thành phố Công ty có chi nhánh và địa điểm kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Kiên	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nghiêm Xuân Thắng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kim Liên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Xuân Hùng	Thành viên
Ông Okawa Yoshiteru	Thành viên (<i>từ ngày 4 tháng 4 năm 2015</i>)
Ông Noguchi Atsushi	Thành viên (<i>từ ngày 4 tháng 4 năm 2015</i>)
Ông Nukumori Hajime	Thành viên (<i>đến ngày 4 tháng 4 năm 2015</i>)
Ông Srisant Chitvaranund	Thành viên (<i>đến ngày 10 tháng 7 năm 2015</i>)

Ban Giám đốc

Ông Trần Xuân Kiên	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tín Nhiệm	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh

Chi nhánh Ninh Bình
1 Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang
Thành phố Ninh Bình
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chi nhánh Nam Định
107 Quốc lộ 10, Xã Lộc Hòa
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh
33 Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá
Thành phố Bắc Ninh
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Phú Thọ
1606A Hùng Vương, Phường Gia Cẩm
Thành phố Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chi nhánh Nghệ An
343 Lê Duẩn, Phường Trung Đô
Thành phố Vinh
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Hải Dương
Khu 15, Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão
Thành phố Hải Dương
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng
279 Trần Nguyên Hãn, Phường Nghĩa Xá
Quận Lê Chân
Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Bắc Giang
1 Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ
Thành Phố Bắc Giang
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chi nhánh Thái Bình
456 Lý Bôn, Phường Đề Thám
Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Hóa
490 Đại Lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương
Thành phố Thanh Hóa
Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Chi nhánh Vĩnh Phúc
Thôn Đôn Hậu, Phường Khai Quang
Thành phố Vĩnh Yên
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nam
Khu TM4 Quốc Lộ 1A, Phường Thanh Châu
Thành phố Phủ Lý
Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chi nhánh Quảng Ninh
Tổ 5, Khu Hòa Lạc, Phường Cẩm Bình
Thành phố Cẩm Phả
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Lạng Sơn
Tổ 4, Khối 5, Thị trấn Cao Lộc
Huyện Cao Lộc
Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 7 đến trang 37, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc


Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14 -03- 2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-075-2015



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		785.679.655.952	528.923.411.784
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	70.832.177.821	28.322.516.688
Tiền	111		42.778.352.822	24.322.516.688
Các khoản tương đương tiền	112		28.053.824.999	4.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000	19.530.666.666
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	300.000.000	19.530.666.666
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.670.398.946	15.712.230.565
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.316.781.754	5.001.527.866
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.163.010.854	7.931.695.359
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.190.606.338	2.779.007.340
Hàng tồn kho	140	7	623.302.230.250	413.150.595.489
Hàng tồn kho	141		629.529.264.037	417.377.629.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.227.033.787)	(4.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		76.574.848.935	52.207.402.376
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	28.011.951.035	15.926.574.347
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	48.208.111.360	32.640.784.823
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	13(a)	-	2.636.551.905
Tài sản ngắn hạn khác	155		354.786.540	1.003.491.301

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		153.166.997.586	119.990.914.912
Các khoản phải thu dài hạn	210		42.167.873.144	52.048.807.765
Phải thu dài hạn khác	216	8	42.167.873.144	52.048.807.765
Tài sản cố định	220		63.133.732.500	37.126.001.809
Tài sản cố định hữu hình	221	9	60.202.235.348	34.723.303.462
Nguyên giá	222		85.019.621.116	49.593.883.366
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.817.385.768)	(14.870.579.904)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.931.497.152	2.402.698.347
Nguyên giá	228		5.300.780.981	3.937.215.598
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.369.283.829)	(1.534.517.251)
Tài sản dở dang dài hạn	240		19.117.583.763	13.226.157.706
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	19.117.583.763	13.226.157.706
Tài sản dài hạn khác	260		28.747.808.179	17.589.947.632
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	28.747.808.179	17.589.947.632
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		938.846.653.538	648.914.326.696

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

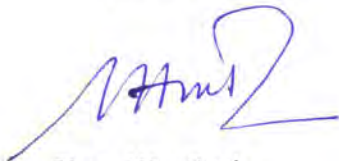
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		651.508.361.897	375.931.281.906
Nợ ngắn hạn	310		651.508.361.897	375.931.281.906
Phải trả người bán ngắn hạn	311		314.840.298.102	204.878.684.111
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.926.718.796	4.684.882.322
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(b)	777.286.536	5.296.000
Phải trả người lao động	314		18.284.917.788	8.979.642.679
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.326.215.850	11.653.394.497
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.345.095.982	21.274.630.407
Vay ngắn hạn	320	16	300.948.100.232	124.379.123.279
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	59.728.611	75.628.611
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		287.338.291.641	272.983.044.790
Vốn chủ sở hữu	410	18	287.338.291.641	272.983.044.790
Vốn góp cổ phần	411	19	226.594.320.000	178.584.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		226.594.320.000	178.584.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.769.848.963	77.861.617.144
Cổ phiếu quỹ	415	19	(2.333.755.096)	(2.183.755.096)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	10.082.930.218	10.082.930.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.224.947.556	8.637.882.524
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.637.882.524	4.697.230.995
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.587.065.032	3.940.651.529
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		938.846.653.538	648.914.326.696

14 -03- 2016

Người lập:



Phạm Hữu Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	3.346.411.912.691	2.447.549.197.777
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	23.747.577.150	32.563.194.215
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	3.322.664.335.541	2.414.986.003.562
Giá vốn hàng bán	11		2.973.880.774.898	2.170.654.909.064
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		348.783.560.643	244.331.094.498
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.226.954.891	4.180.777.610
Chi phí tài chính	22		7.546.057.888	1.721.894.307
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.546.057.888	1.721.894.307
Chi phí bán hàng	25	24	287.991.131.168	216.282.045.179
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	40.005.532.657	23.005.085.155
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		16.467.793.821	7.502.847.467
Thu nhập khác	31	26	7.610.825.471	1.500.543.908
Chi phí khác	32	27	5.326.088.390	3.945.184.220
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		2.284.737.081	(2.444.640.312)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.752.530.902	5.058.207.155

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

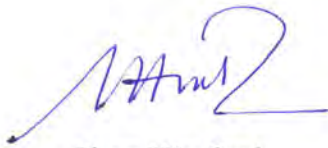
Mẫu B 02 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.752.530.902	5.058.207.155
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.165.465.870	1.117.555.626
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		14.587.065.032	3.940.651.529
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	646	175

14 -03- 2016

Người lập:



Phạm Hữu Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng	01		3.656.754.659.182	2.644.453.471.933
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.604.417.293.075)	(2.654.346.407.940)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(118.127.151.246)	(82.043.800.645)
Tiền lãi vay đã trả	04		(7.411.254.068)	(1.849.698.515)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(755.827.429)	(327.349.993)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.662.927.138	21.771.079.953
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.516.052.458)	(28.129.808.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88.809.991.956)	(100.472.514.199)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51.950.933.333)	(36.002.545.941)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.516.914.906	800.000.000
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23		(6.467.691.692)	(24.030.666.666)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	26		25.698.358.358	15.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.954.764.428	2.372.139.698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.248.587.333)	(41.361.072.909)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31		-	30.048.766.947
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		(150.000.000)	(70.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		646.463.614.412	278.851.104.627
Tiền trả nợ gốc vay	34		(469.894.637.459)	(208.694.150.529)
Tiền trả cổ tức	36		(17.768.918.350)	-
Tiền trả chi phí phát hành cổ phiếu thưởng			(81.818.181)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		158.568.240.422	100.135.721.045
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		42.509.661.133	(41.697.866.063)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	28.322.516.688	70.020.382.751
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	70.832.177.821	28.322.516.688

14 -03- 2016

Người lập:



Phạm Hữu Oanh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 14 chi nhánh và 2.262 nhân viên (1/1/2015: 7 chi nhánh và 1.655 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a));
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(q)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
▪ nâng cấp sửa chữa siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	10.067.448.497	8.535.567.915
Tiền gửi ngân hàng	30.279.678.489	13.262.577.615
Tiền đang chuyển	2.431.225.836	2.524.371.158
Các khoản tương đương tiền	28.053.824.999	4.000.000.000
	70.832.177.821	28.322.516.688

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm 15.150 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo đảm cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 16) và các điều khoản bảo lãnh ký với nhà cung cấp của Công ty (1/1/2015: 4.000 triệu VND).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trị giá 300 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo lãnh với nhà cung cấp của Công ty (1/1/2015: 13.500 triệu VND).

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	779.825.184	-	468.766.121	-
Thành phẩm	2.108.875.100	(4.224.585)	2.880.763.461	(2.847.118)
Hàng hóa	626.640.563.753	(6.222.809.202)	414.028.099.694	(4.224.186.669)
	<hr/>		<hr/>	
	629.529.264.037	(6.227.033.787)	417.377.629.276	(4.227.033.787)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 91.716 triệu VND thành phẩm và hàng hóa (1/1/2015: 76.792 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc thuê các siêu thị của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp sửa chữa siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.100.225.061	2.851.690.616	13.676.677.716	16.965.289.973	49.593.883.366
Tăng trong năm	918.939.571	113.500.000	1.805.356.362	2.392.518.110	5.230.314.043
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.729.947.372	4.735.374.613	-	16.852.348.107	37.317.670.092
Thanh lý	(4.977.158.612)	(436.752.457)	-	(1.708.335.316)	(7.122.246.385)
Số dư cuối năm	27.771.953.392	7.263.812.772	15.482.034.078	34.501.820.874	85.019.621.116
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.836.420.153	1.552.750.052	3.383.338.275	6.098.071.424	14.870.579.904
Khấu hao trong năm	4.141.140.746	1.116.669.941	1.881.220.966	5.403.485.448	12.542.517.101
Thanh lý	(1.552.022.810)	(414.823.807)	-	(628.864.620)	(2.595.711.237)
Số dư cuối năm	6.425.538.089	2.254.596.186	5.264.559.241	10.872.692.252	24.817.385.768
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	12.263.804.908	1.298.940.564	10.293.339.441	10.867.218.549	34.723.303.462
Số dư cuối năm	21.346.415.303	5.009.216.586	10.217.474.837	23.629.128.622	60.202.235.348

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 4.980 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 3.209 triệu VND).

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.937.215.598
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.603.056.000
Xóa sổ	(239.490.617)
	<hr/>
Số dư cuối năm	5.300.780.981
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.534.517.251
Khấu hao trong năm	1.074.257.195
Xóa sổ	(239.490.617)
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.369.283.829
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.402.698.347
Số dư cuối năm	2.931.497.152
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 608 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 848 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	13.226.157.706	11.176.476.348
Tăng trong năm	55.530.344.778	30.782.884.938
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(37.317.670.092)	(20.760.365.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.603.056.000)	(3.089.183.588)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.040.328.187)	(4.154.229.632)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(677.864.442)	(519.424.951)
Xóa sổ	-	(210.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.117.583.763	13.226.157.706

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Sửa chữa nâng cấp siêu thị	18.342.804.657	12.247.263.706
Chi phí phát triển phần mềm	774.779.106	978.894.000
	<hr/>	<hr/>
	19.117.583.763	13.226.157.706

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	840.522.228	902.393.086
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị	24.403.282.934	12.954.627.759
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.768.145.873	2.069.553.502
	28.011.951.035	15.926.574.347

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	15.377.853.111	2.212.094.521	17.589.947.632
Tăng trong năm	17.766.524.361	4.732.608.508	22.499.132.869
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.101.214.651	5.939.113.536	10.040.328.187
Thanh lý	(1.838.031.162)	(699.807.501)	(2.537.838.663)
Phân bổ trong năm	(13.420.289.676)	(5.423.472.170)	(18.843.761.846)
Số dư cuối năm	21.987.271.285	6.760.536.894	28.747.808.179

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Bù trừ với số phải nộp VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.636.551.905	-	(2.636.551.905)	-
Thuế giá trị gia tăng	32.640.784.823	543.005.567.494	(527.438.240.957)	48.208.111.360
	35.277.336.728	543.005.567.494	(530.074.792.862)	48.208.111.360

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Bù trừ với số phải thu VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	527.531.227.107	(527.438.240.957)	(92.986.150)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.165.465.870	(2.636.551.905)	(755.827.429)	773.086.536
Thuế thu nhập cá nhân	5.296.000	2.946.083.548	-	(2.947.179.548)	4.200.000
Thuế nhà thầu	-	181.322.992	-	(181.322.992)	-
	5.296.000	534.824.099.517	(530.074.792.862)	(3.977.316.119)	777.286.536

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước tiền điện	1.427.246.819	1.349.627.434
Trích trước chi phí thuê địa điểm	205.000.000	7.225.232.726
Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.520.291.694	2.156.980.508
Các khoản trích trước khác	2.173.677.337	921.553.829
	5.326.215.850	11.653.394.497

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Cổ tức phải trả	88.342.227	17.857.260.577
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.028.048.163	3.123.336.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	228.705.592	294.033.830
	5.345.095.982	21.274.630.407

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	124.379.123.279	646.463.614.412	(469.894.637.459)	300.948.100.232

Đây là khoản vay từ ngân hàng với lãi suất từ 4,8% tới 6,7% một năm (2014: từ 4,8% tới 6.0% một năm) và được đảm bảo bằng 12.000 triệu tiền gửi có kỳ hạn (1/1/2015: 4.000 triệu VND) (Thuyết minh 5).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	75.628.611	1.353.298.335
Sử dụng trong năm	(15.900.000)	(1.277.669.724)
Số dư cuối năm	59.728.611	75.628.611

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	130.515.960.000	102.094.299.657	(2.113.755.096)	424.368.000	9.658.562.218	48.462.451.995	289.041.886.774
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.940.651.529	3.940.651.529
Cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	22.085.110.000	(22.085.110.000)	-	-	-	-	-
Cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức	25.983.300.000	-	-	-	-	(25.983.300.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(70.000.000)	-	-	-	(70.000.000)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(17.781.921.000)	(17.781.921.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(2.147.572.513)	-	-	-	-	(2.147.572.513)
Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã phân loại lại	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	10.082.930.218	-	8.637.882.524	272.983.044.790
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã báo cáo trước đây</i>	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	424.368.000	9.658.562.218	8.637.882.524	272.983.044.790
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 32)</i>	-	-	-	9.658.562.218	(9.658.562.218)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	14.587.065.032	14.587.065.032
Cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần (*)	48.009.950.000	(48.009.950.000)	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(150.000.000)	-	-	-	(150.000.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(81.818.181)	-	-	-	-	(81.818.181)
Số dư tại ngày 31/12/2015	226.594.320.000	29.769.848.963	(2.333.755.096)	10.082.930.218	-	23.224.947.556	287.338.291.641

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành bổ sung cổ phiếu để tăng vốn cổ phần với tỷ lệ 100:27 từ thặng dư vốn cổ phần. Việc phát hành này đã được các cổ đông của Công ty phê duyệt trong Đại hội cổ đông ngày 4 tháng 4 năm 2015.

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.659.432	226.594.320.000	17.858.437	178.584.370.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.659.432	226.594.320.000	17.858.437	178.584.370.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(102.614)	(1.026.140.000)	(76.516)	(765.160.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.556.818	225.568.180.000	17.781.921	177.819.210.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	107.620.789.804	87.337.099.775
Trong vòng hai đến năm năm	346.538.616.348	321.133.962.472
Sau năm năm	323.157.196.905	302.173.981.142
	777.316.603.057	710.645.043.389

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	89.001	1.910.709.848	1.315	27.984.120

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.782.130.092	7.672.452.119

22. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	1.650.174.227	2.513.698.225
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.576.780.664	1.667.079.385
	<hr/> 3.226.954.891	<hr/> 4.180.777.610

24. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	119.452.169.356	77.859.925.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.802.749.458	7.196.493.073
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	12.704.783.265	7.938.845.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.381.705.649	108.517.972.594
Chi phí bán hàng khác	16.649.723.440	14.768.808.712
	<hr/> 287.991.131.168	<hr/> 216.282.045.179

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	30.283.068.192	17.575.353.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.814.024.838	1.514.341.942
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	715.506.411	141.973.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.310.193.366	2.973.268.448
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.882.739.850	800.147.745
	<hr/> 40.005.532.657	<hr/> 23.005.085.155

26. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	2.778.065.030	800.000.000
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	3.481.756.296	-
Các khoản khác	1.351.004.145	700.543.908
	<hr/>	<hr/>
	7.610.825.471	1.500.543.908
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí khác

	2015	2014
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác và chi phí thanh lý	918.562.544	3.591.836.850
Các khoản bị phạt	3.000.000.000	-
Các khoản khác	1.407.525.846	353.347.370
	<hr/>	<hr/>
	5.326.088.390	3.945.184.220
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.973.880.774.898	2.170.654.909.064
Chi phí nhân công	149.735.237.548	95.435.278.981
Chi phí khấu hao và phân bổ công cụ dụng cụ	27.037.063.972	16.791.653.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.691.899.015	111.491.241.042
Chi phí khác	18.532.463.290	15.568.956.457
	<hr/>	<hr/>

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.165.465.870	1.117.555.626

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.752.530.902	5.058.207.155
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.125.556.798	1.112.805.574
Chi phí không được khấu trừ thuế	39.909.072	4.750.052
	4.165.465.870	1.117.555.626

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế trong cho các năm 2014, 2015 và mức thuế suất này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là, 14.587.065.032 VND (2014: 3.940.651.529 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 22.569.393 cổ phiếu (2014 - đã điều chỉnh lại: 22.576.900 cổ phiếu), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	14.587.065.032	3.940.651.529
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	14.587.065.032	3.940.651.529

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	17.781.921	12.991.821
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(2.425)	(1.918)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2014	-	2.208.511
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2015	4.800.995	4.800.995
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức trong năm	-	2.598.330
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong năm 2014	-	(9.741)
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong năm 2015	(11.098)	(11.098)
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	22.569.393	22.576.900

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo trước đây	17.787.003	222
Điều chỉnh lại do phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần	4.800.995	(48)
Điều chỉnh lại do thu hồi cổ phiếu thưởng trong năm	(11.098)	1
	<hr/>	<hr/>
Đã điều chỉnh lại	22.576.900	175

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	10.892.920.000	5.006.210.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	5.889.660.000
Cổ tức trả bằng tiền	4.034.417.000	-
Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	10.284.920.000	4.726.780.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	5.560.920.000
Cổ tức trả bằng tiền	3.809.233.000	-
Nojima Corporation		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	14.842.240.000	2.218.770.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	2.610.320.000
Cổ tức trả bằng tiền	5.497.129.000	-
Phí tư vấn	1.678.400.000	2.634.607.572
Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	2.152.740.000	989.360.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	1.163.960.000
Cổ tức trả bằng tiền	797.314.000	-
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	1.005.380.000	462.060.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	543.600.000
Cổ tức trả bằng tiền	372.366.000	-
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	369.900.000	170.000.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	200.000.000
Cổ tức trả bằng tiền	137.000.000	-
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	296.640.000	136.330.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	160.390.000
Cổ tức trả bằng tiền	109.869.000	-
Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á		
Cổ phiếu thường (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	4.602.480.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	5.414.680.000
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		
Thủ lao đã trả	7.736.524.258	4.054.838.295

